TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2018
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Vũ Bằng
Bà Nguyễn Thị Diệp
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1964 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp LT, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H A**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp LT, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H A chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị H A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 04 người con chung tên Huỳnh Thế T, sinh năm 1989; Huỳnh Khánh T, sinh năm 1985; Huỳnh Khánh Đ, sinh năm 1987 và Huỳnh Đăng K, sinh năm 2003. Vợ chồng tự thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H A: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án

đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng bà H A vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Ông Huỳnh Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H A theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị H A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H A được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Ông T xác định không còn tình cảm yêu thương bà H A, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông T thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với bà H A và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà H A.

[3] Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Huỳnh Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H A.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 23/5/2018 ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008189 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TVT, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông T và bà H A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã KH, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang